TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOA LU** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2017/DS-ST Ngày: 27/03/2017 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Kim Thành.

2. Ông Nguyễn Văn Khuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXXST-TA ngày 09 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Út T, sinh năm 1993, ĐKHKTT: thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: thôn L, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1990, trú tại: thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - chị Phan Thị Út T trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2012 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng mẹ đẻ anh C tại thôn V, xã N. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C không chú tâm làm ăn, hay cờ bạc, rượu chè, thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị. Đến đầu năm 2016 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Anh C đã lấy xăng ở xe máy đổ vào người chị, quấn dây điện vào người chị và đánh chị một cách thậm tệ. Do không chịu đựng được nên từ

tháng 2 năm 2016, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã Y, thành phố T sống. Thời gian chị sống ở nhà bố mẹ đẻ, anh C nhiều lần gọi điện và đến xin lỗi, gia đình hai bên cũng khuyên bảo nên tháng 9 năm 2016, chị đã trở về sống cùng anh C. Tuy nhiên, sống với nhau được 05 ngày thì anh C lại đánh đập chị nên chị lại về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Chị đã tha thứ cho anh C nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi tính nết. Chị và anh C không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 7/2/2014. Từ tháng 2 năm 2016 đến nay cháu Nguyễn Anh T do anh C nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị cũng muốn được nuôi con chung nhưng anh C không đồng ý và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con nên chị nhất trí để anh C được nuôi cháu Nguyễn Anh T và không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Quốc C trình bày: Về thời gian kết hôn, con chung, tài sản, công nợ chung giữa anh và chị T đúng như chị T trình bày. Tuy nhiên, anh C cho rằng vợ chồng sống bình thường đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Ban đầu là do bất đồng quan điểm giữa hai vợ chồng trong việc cư xử với chị dâu của chị T dẫn đến việc chị T bỏ nhà đi khoảng 10 ngày, gia đình anh đã đi tìm chị T về. Được gần một tháng thì anh có đi liên hoan, uống rượu cùng bạn bè. Khi về nhà, chị T càu nhàu nên anh đã tát chị T. Sau đó, vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Gia đình hai bên thống nhất để hai vợ chồng anh chị tạm thời sống xa nhau một thời gian để cả hai cùng thay đổi tâm tính. Vì vậy, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ để sống. Được hơn một tháng, anh có lên đón chị T và con về nhưng chị T không về mà đẩy con, vứt đồ dùng của con ra hè và bảo anh bế con về mà nuôi. Đến tháng 9 năm 2016, anh cùng gia đình đón chị T về để vợ chồng con cái xum họp nhưng chỉ được một tuần thì vợ chồng lại xảy ra cãi vã nhau do chị T không chịu ăn uống cùng gia đình. Chị T đã gọi điện cho gia đình chị T lên đón chị T về. Từ đó đến nay, chị T sống ở nhà bố mẹ đẻ, không quan tâm đến cuộc sống của bố con anh. Thỉnh thoảng chị T có về thăm con một lúc rồi đi, vài ba tháng chị T mua cho con được hộp sữa và không chu cấp tiền để anh nuôi con. Anh có gọi điện động viên chị T về chung sống nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T có đơn đề nghị xin ly hôn anh, anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn và đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Anh T, không đề nghị chị T cấp dưỡng vì thu nhập của anh khoảng 08 triệu đồng một tháng đủ để nuôi dưỡng con chung. Do phải đi làm nên anh không đến Tòa án để giải quyết vụ án được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng anh C, chị T chung sống. Bà Hà Thị D là mẹ đẻ của anh C xác định cuối

tháng 1/2016, vợ chồng anh C, chị T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong quá trình sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không ai nhịn ai dẫn đến xô xát, đánh, cãi, chửi nhau và đến tháng 2/2016 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Tháng 9/2016, gia đình đã đến đón chị T về nhưng chị chỉ ở được 5-7 ngày, chị T lại bỏ đi đến nay để lại con là cháu Nguyễn Anh T cho anh C nuôi. Bà D phải bỏ việc để ở nhà trông cháu.

Chính quyền địa phương xã N nơi anh C, chị T chung sống cho biết: quá trình chung sống anh C, chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh, chửi nhau. Khoảng 1 năm gần đây, anh C thường xuyên đánh đập chị T không rõ lý do, Chi Hội phụ nữ và nhân dân thôn xóm đã nhiều lần khuyên bảo anh C nhưng anh C không thay đổi. Khoảng tháng 2/2016, do bị anh C đánh nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố T để sinh sống cho đến nay. Chị T cũng có quay về nhà anh C để sống với chồng con nhưng chỉ được vài ngày vợ chồng lại đánh, chửi nhau nên chị T phải về nhà bố mẹ đẻ sống. Chị T là người sống hòa hợp, quan hệ bình thường với gia đình nhà chồng và làng xóm xung quanh. Từ khi chị T bỏ đi, cháu Nguyễn Anh T là con trai của anh C và chị T do anh C và mẹ anh C nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu. Hiện cháu Nguyễn Anh T phát triển bình thường. Chính quyền địa phương xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C, chị T là trầm trọng, rất khó hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi các thông báo và triệu tập anh C đến Tòa án để làm việc nhưng anh C vẫn vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai, anh C để nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh. Do đó, theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2] Chị T và anh C đều có lời khai thống nhất về việc tự nguyện kết hôn và thời điểm kết hôn phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2012 do UBND xã N, huyện H cấp nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, trình bày của mình là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, ngoài lời khai, các bên đương sự không cung cấp được chứng cứ nào khác. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh C, chị T theo đơn đề nghị của chị T. Căn cứ nội dung biên bản xác minh tại gia đình anh C và chính quyền địa phương nơi anh C, chị T chung sống, Hội đồng xét xử nhận định lời khai của chị T là có cơ sở. Vợ chồng anh C, chị T mâu thuẫn từ trước năm 2016 đến đầu năm 2016 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh C nhiều lần đánh chị T và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Bản thân anh C, chị T cũng đã nhiều lần bỏ

qua cho nhau những khúc mắc và gia đình hai bên đã hòa giải giữa hai vợ chồng nhưng mâu thuẫn vẫn không được khắc phục, vợ chồng sống ly thân với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét mâu thuẫn giữa anh C và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh C theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị T và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 7/2/2014. Từ tháng 2/2016 đến nay, anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T. Chính quyền địa phương và chị T đều xác định cháu Nguyễn Anh T mặc dù còn nhỏ nhưng được anh C chăm lo chu đáo và vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu. Đến nay, anh C vẫn muốn tiếp tục được nuôi con chung, chị T cũng đồng ý để anh C nuôi con, không phải cấp dưỡng nên cần tôn trọng ý kiến của các bên đương sự, giao cháu Nguyễn Anh T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Anh C, chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Chị T phải nộp án phí sơ thẩm. Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thi Út T được ly hôn anh Nguyễn Quốc C.

2. **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 7/2/2014 cho anh Nguyễn Quốc C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị Út T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm non để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh C; anh C, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Út T phải nộp 200.000 *(hai trăm ngàn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/00559 ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Chị T đã nộp đủ.

Chị Phan Thị Út T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhân được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*;
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Kim Oanh